

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU PHONG
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2024/DS-ST
Ngày: 06-09-2024
V/v “Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU PHONG, TỈNH QUẢNG TRỊ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đình Hùng.
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Văn Toàn và bà Trần Thị Thu Huyền.
- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Huyền - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 24/2024/TLST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2024/QĐST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2024/QĐST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty cổ phần S tiền có ngay; địa chỉ trụ sở chính: Số A, đường N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1991, chức vụ: Nhân viên Công ty cổ phần S tiền có ngay (Văn bản uỷ quyền 442/2024/UQ-SVN ngày 05/5/2024); có mặt.

2. Bị đơn: Ông Lê Bá Thanh P; sinh năm 1980; nơi cư trú: thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 10/5/2024, nguyên đơn trình bày: Vào ngày 16/06/2023, ông Lê Bá Thanh P và Công ty TNHH S1 ký kết hợp đồng cầm cố tài sản số: DHM230601019NA22X ký giữa các bên ngày 16/06/2023 số đăng ký Giao dịch Đảm bảo trên Hệ thống đăng ký trực tuyến của Cục Đ: Giaodichdambao/botuphap: 1528716054 theo web : <https://dktructuyen.moj.gov.vn/>Theo hợp đồng cầm cố này

thì ông **Lê Bá Thanh P** cầm cố tài sản là: 01 xe mô tô hai bánh biển kiểm soát: 74D1-380.21; Loại xe: Honda SH 125I; màu: Đen; số khung: RLHJF9507NY110505; số máy: JF95E0125644; số Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 000353 do **Công an tỉnh Q** cấp ngày 29/05/2023 với mục đích để vay số tiền là 46.200.000 đồng (*Bốn mươi sáu triệu hai trăm nghìn đồng*), thời hạn cầm cố là 12 tháng (*từ 16/06/2023 - 06/06/2024*) với mức lãi suất là 1,1%/ tháng. Theo hợp đồng cầm cố đã ký thì Công ty đã giải ngân đầy đủ số tiền trên cho ông **Lê Bá Thanh P**. Do nhu cầu cần có xe đi lại hàng ngày nên **Công ty TNHH S1** có ký giấy cho ông **Lê Bá Thanh P** mượn lại xe sử dụng. Trong giấy mượn xe có quy định rõ thời hạn mượn xe từ 16/06/2023 đến 16/07/2023 địa điểm trả xe là tại **Công ty TNHH S1 - Chi nhánh Đ1** 01 và cam kết trong giấy mượn xe: “Hoàn trả lại tài sản mượn đúng thời hạn và địa điểm đã thỏa thuận”.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông **Lê Bá Thanh P** đã thanh toán số tiền 31.138.000 đồng (6 tháng) trong đó: tiền gốc là 22.022.537 đồng; lãi: 2.455.381 đồng; phí: 1.116.082 đồng; phí bảo dưỡng và hao mòn xe khi mượn xe: 5,544,000 đồng; lãi quá hạn: 47.142 đồng.

Quá hạn hợp đồng 6 tháng (115 ngày), ông **Lê Bá Thanh P** không trả nợ cho Công ty và cũng không trả lại xe máy cho Công ty mặc dù Công ty đã nhiều lần liên hệ qua điện thoại và đến nhà ông **Lê Bá Thanh P** tại địa chỉ: **thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị** nhưng không gặp. Nay, **Công ty cổ phần S** tiền có ngay yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc ông **Lê Bá Thanh P** thanh toán cho **Công ty cổ phần S** tiền có ngay tổng số tiền: 34.057.000 đồng tính đến ngày 10/5/2024, trong đó: số tiền gốc: 24.177.463 đồng; lãi: 943.991 đồng; phí quản lý hồ sơ: 429.087 đồng; phí bảo dưỡng và hao mòn xe khi mượn: 6.930.000 đồng; tiền lãi quá hạn: 1.576.467 đồng.

Ngoài ra, ông **Lê Bá Thanh P** còn phải tiếp tục chịu lãi suất, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký từ ngày 31/7/2023 cho đến khi thanh toán xong nợ.

2. Trường hợp thực hiện hoặc không thực hiện đầy đủ thì **Công ty cổ phần S** tiền có ngay có quyền xử lý tài sản cầm cố là chiếc xe mô tô hai bánh biển số 74D1-380.21; Loại xe: Honda SH 125I; màu: Đen; số khung: RLHJF9507NY110505; số máy: JF95E0125644.

Buộc ông **Lê Bá Thanh P** thực hiện nghĩa vụ trả lại cho **Công ty cổ phần S** tiền có ngay chiếc xe mô tô hai bánh hiệu: Honda SH 125I; màu: Đen; số khung: RLHJF9507NY110505; số máy: JF95E0125644.

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 21/8/2024 và tại phiên toà, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau: **Công ty cổ phần S** tiền có ngay yêu cầu Toà án giải quyết:

- Buộc ông **Lê Bá Thanh P** thanh toán cho **Công ty cổ phần S** tiền có ngay số tiền 35.506.000 đồng (*Ba mươi lăm triệu năm trăm linh sáu nghìn đồng*) tính từ ngày 17/01/2024 đến ngày 21/8/2024 bao gồm: tiền gốc: 24.177.463 đồng; tiền

lãi: 943.991 đồng (1.1%/ tháng); phí bảo dưỡng và hao mòn xe khi mượn xe: 8.316.000 đồng (3%/tháng); Lãi quá hạn: 2.068.346 đồng (1.65%/tháng).

Ngoài ra ông **Lê Bá Thanh P** còn tiếp tục chịu lãi suất phát sinh cho đến khi trả hết khoản nợ gốc và lãi theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng cầm cố đã ký kết.

- Rút yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền phí quản lý hồ sơ 429.087 đồng;

- Rút yêu cầu khởi kiện đối với trường hợp thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ thì **Công ty cổ phần S** tiền có ngay có quyền xử lý tài sản bảo đảm là chiếc xe mô tô hai bánh biển số: 74D1-380.21, Loại xe: Honda SH 125I ,Số khung: RLHJF9507NY110505, Số máy: JF95E0125644, theo Hợp đồng cầm cố, kèm giấy mượn xe đã ký với **Chi Nhánh Đ1** 01 - **Công ty TNHH S1** số DHM230601019NA22X ngày 16/06/2023.

- Rút yêu cầu khởi kiện về việc buộc ông **Lê Bá Thanh P** có nghĩa vụ trả lại xe đã mượn cho công ty để đảm bảo thực hiện đúng nghĩa vụ.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn, nhưng ông **Lê Bá Thanh P** không trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham gia các phiên họp hoà giải và phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong phát biểu: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đảm bảo về trình tự thủ tục tố tụng theo quy định; tại phiên Tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự; người tham gia tố tụng nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Bị đơn ông **Lê Bá Thanh P** không chấp hành đúng các quy định của pháp luật, Tòa án đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án tham gia phiên tòa nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn ông **Lê Bá Thanh P**.

Đối với việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 299, 301, 303, 309, 311, 314, 468 BLDS năm 2015; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông **Lê Bá Thanh P** có nghĩa vụ trả cho **Công ty cổ phần S** tiền có ngay số tiền 35.506.000 đồng (*Ba mươi lăm triệu năm trăm linh sáu nghìn đồng*) tính từ ngày 17/01/2024 đến ngày 06/9/2024 bao gồm: tiền gốc: 24.177.463 đồng; tiền lãi: 943.991 đồng (1.1%/tháng); phí bảo dưỡng và hao mòn xe khi mượn xe: 8.316.000 đồng (3%/tháng); lãi quá hạn: 2.068.346 đồng (1.65%/tháng) và ông **Lê Bá Thanh P** còn phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký tính từ ngày 21/8/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với yêu cầu:

1. Rút yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền phí quản lý hồ sơ 429.087 đồng;
2. Rút yêu cầu khởi kiện đối với trường hợp không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ thì **Công ty S** có quyền xử lý tài sản bảo đảm là xe mô tô BKS 74D1-380.21, theo hợp đồng cầm cố, kèm giấy mượn xe đã ký kết vào ngày 16/6/2023;

3. Rút yêu cầu khởi kiện buộc ông **Lê Bá Thanh P** có nghĩa vụ trả lại xe đã mượn cho Công ty để đảm bảo thực hiện đúng nghĩa vụ.

Về án phí: Buộc ông **Lê Bá Thanh P** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông **Lê Bá Thanh P** có địa chỉ tại: **thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị**. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ Luật tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.

[1.2]. Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn, **Công ty cổ phần S** tiền có ngay khởi kiện yêu cầu bị đơn ông **Lê Bá Thanh P** phải trả số tiền 35.506.000 đồng (*Ba mươi lăm triệu năm trăm linh sáu nghìn đồng*) theo Hợp đồng cầm cố tài sản giữa **Công ty TNHH S1** và ông **Lê Bá Thanh P** số: DHM230601019NA22X ngày 16/6/2023. Do đó, Tòa án xác định lại quan hệ tranh chấp “*Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản*” theo quy định tại Điều 309 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[1.3]. Về tư cách tham gia tố tụng: Tại công văn số: 127/ĐKKD ngày 23/5/2024 của Phòng đăng ký kinh doanh- **Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh N** xác nhận: “**CÔNG TY TNHH S1, mã số doanh nghiệp: 290187716, đã chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành CÔNG TY CỔ PHẦN SAWAD TIỀN CÓ NGAY**”. Do đó, **Công ty cổ phần S** tiền có ngay căn cứ vào các hợp đồng đã ký kết giữa **Công ty TNHH S1** với ông **Lê Bá Thanh P** để khởi kiện là đúng tư cách tố tụng theo quy định của pháp luật.

[1.4]. Về sự vắng mặt của bị đơn:

Tòa án đã tiến hành xác minh địa chỉ của bị đơn, qua tra cứu hệ thống Dữ liệu dân sự và hồ sơ lưu trữ, **Công an xã T, huyện T** xác minh kết quả như sau: “Ông **Lê Bá Thanh P**, sinh năm 1980, hiện đang có hộ khẩu thường trú tại **thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị**. Ông **Lê Bá Thanh P** hiện không có mặt tại địa phương”.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng ông **P** không đến phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bị đơn ông **Lê Bá Thanh P**.

[2] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Tại phiên tòa, nguyên đơn tự nguyện xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông **Lê Bá Thanh P** phải trả lại tài sản bảo đảm là chiếc xe mô tô hai bánh biển số: 74D1-380.21; Loại xe: Honda SH 125I; màu: Đen; số khung: RLHJF9507NY110505; số máy: JF95E0125644, theo Hợp đồng cầm cố, kèm giấy mượn xe đã ký với **Chi Nhánh Đ1 01 - Công ty TNHH S1** số DHM230601019NA22X ngày 16/06/2023; không yêu cầu xử lý tài sản cầm cố trong trường hợp ông **P** không thực hiện hoặc không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho **Công ty cổ phần S**

tiền có ngay; khoản tiền phí quản lý hồ sơ; rút yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền quản lý hồ sơ là 429.087 đồng. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện này của Nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận theo Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự và đình chỉ giải quyết đối với các yêu cầu trên của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu buộc ông **Lê Bá Thanh P** thanh toán cho **Công ty cổ phần S** tiền có ngay số tiền 35.506.000 đồng (*Ba mươi lăm triệu, năm trăm linh sáu nghìn đồng*) tính từ ngày 17/01/2024 đến ngày 21/8/2024 bao gồm: tiền gốc: 24.177.463 đồng; tiền lãi: 943.991 đồng (1.1%/tháng); phí bảo dưỡng và hao mòn xe khi mượn xe: 8.316.000 đồng (3%/tháng); Lãi quá hạn: 2.068.346 đồng (1.65%/tháng). Thấy rằng việc thay đổi yêu cầu khởi kiện không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu của nguyên đơn nên chấp nhận.

[2.2] Xem xét hợp đồng cầm cố tài sản, Hội đồng xét xử thấy rằng: Vào ngày 16/6/2023 thông qua Hợp đồng cầm cố số DHM230601019NA22X, hợp đồng cầm cố này được đăng ký Giao dịch Đảm bảo trên Hệ thống đăng ký Trực tuyến của **Cục Đ**: **Giaodichdambao/botuphap: 1528716054** theo web: <https://dktructuyen.moj.gov.vn/> **Công ty TNHH S1** đã giải ngân cho ông **Lê Bá Thanh P** vay số tiền 46.200.000 đồng (*Bốn mươi sáu triệu hai trăm ngàn đồng*); thời hạn cầm cố là 12 tháng (từ 16/06/2023 - 06/06/2024) với mức lãi suất là 1,1%/tháng. Tài sản cầm cố là chiếc xe mô tô hai bánh biển số: 74D1-380.21; Loại xe: Honda SH 125I; màu: Đen; số khung: RLHJF9507NY110505; số máy: JF95E0125644, thuộc quyền sở hữu của ông **Lê Bá Thanh P**. Xét thấy, Hợp đồng cầm cố tài sản được các bên xác lập trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không bị lừa dối hay bị ép buộc nên đây là hợp đồng hợp pháp phù hợp với quy định tại Điều 309 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.3] Về yêu cầu tính lãi: **Công ty cổ phần S** tiền có ngay khởi kiện yêu cầu ông **Lê Bá Thanh P** có nghĩa vụ trả số tiền 35.506.000 đồng (*Ba mươi lăm triệu năm trăm linh sáu nghìn đồng*) tính từ ngày 17/01/2024 đến ngày 06/09/2024 bao gồm: tiền gốc: 24.177.463 đồng; tiền lãi: 943.991 đồng (1.1%/tháng); phí bảo dưỡng và hao mòn xe khi mượn xe: 8.316.000 đồng (3%/tháng); Lãi quá hạn: 2.068.346 đồng (1.65%/tháng), Hội đồng xét xử thấy rằng:

Theo nội dung của Hợp đồng cầm cố số DHM230601019NA22X ngày 16/6/2023 giữa **Công ty TNHH S1** đã ký kết với ông **Lê Bá Thanh P**, thời hạn vay là 12 tháng (kể từ ngày 16/06/2023 - 06/06/2024) lãi suất cố định là 1,1%/tháng trên dư nợ thực tế, tính từ ngày kí hợp đồng và nhận tiền; lãi suất nợ quá hạn 150% lãi suất trong hạn. Ngày 16/6/2023, **Công ty TNHH S1** đã giải ngân cho ông **P** số tiền 46.200.000 đồng. Tính đến nay ông **P** mới chỉ thanh toán cho công ty số tiền 31.138.000 đồng (06 kỳ), còn nợ số tiền gốc 24.177.463 đồng. Như vậy, trong quá trình thực hiện hợp đồng ông **P** đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho **Công ty TNHH S1** khi đến hạn là vi phạm nghĩa vụ theo Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về lãi suất trong hạn: Công ty TNHH S1 ký kết với ông Lê Bá Thanh P, thời hạn vay là 12 tháng (kể từ ngày 16/06/2023 - 06/06/2024) với lãi suất cố định là 1,1%/tháng. Căn cứ khoản 1 Điều 468 BLDS 2015 thì mức lãi suất phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Về lãi suất quá hạn: Tại Điều 4 của Hợp đồng cầm cố quy định: “Nếu quá hạn bên B cam kết ngoài số tiền thanh toán quy định của Hợp đồng cầm cố còn phải chấp nhận thanh toán phí trả chậm tương đương 150 lãi suất quy định và phí quản lý hồ sơ”. Căn cứ khoản 5 Điều 466 BLDS thì mức lãi suất phù hợp với quy định của pháp luật

Từ các mục [2.2] và [2.3], Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện: Buộc bị đơn ông Lê Bá Thanh P thanh toán cho Công ty cổ phần S tiền có ngay số tiền 35.506.000 đồng (Ba mươi lăm triệu năm trăm linh sáu nghìn đồng) tính từ ngày 17/01/2024 đến ngày 21/8/2024 bao gồm: tiền gốc: 24.177.463 đồng; tiền lãi: 943.991 đồng (1.1%/tháng); phí bảo dưỡng và hao mòn xe khi mượn xe: 8.316.000 đồng (3%/tháng); Lãi quá hạn: 2.068.346 đồng (1.65%/tháng).

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Do yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S tiền có ngay được chấp nhận nên bị đơn ông Lê Bá Thanh P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Công ty cổ phần S tiền có ngay không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 244; Điều 266; Điều 269; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Áp dụng các Điều 466, 311, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S tiền có ngay.

1. Buộc ông Lê Bá Thanh P phải có trách nhiệm trả cho Công ty cổ phần S tiền có ngay tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 21/8/2024 là: 35.506.000 đồng (Ba mươi lăm triệu năm trăm linh sáu nghìn đồng) tính từ ngày 17/01/2024 đến ngày 21/8/2024 bao gồm: tiền gốc: 24.177.463 đồng; tiền lãi: 943.991 đồng (1.1%/tháng); phí bảo dưỡng và hao mòn xe khi mượn xe: 8.316.000 đồng (3%/tháng); Lãi quá hạn: 2.068.346 đồng (1.65%/tháng).

Trong trường hợp, ông **Lê Bá Thanh P** không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì tiếp tục trả lãi cho **Công ty cổ phần S** tiền có ngay với lãi suất 1,65%/tháng trên số nợ gốc chậm trả, kể từ ngày 06/9/2024 cho đến khi thi hành án xong.

2. Đình chỉ giải quyết đối với các yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn gồm: về việc yêu cầu ông **Lê Bá Thanh P** phải trả lại tài sản bảo đảm là chiếc xe mô tô hai bánh biển số: 74D1-380.21; Loại xe: Honda SH 125I; màu: Đen; số khung: RLHJF9507NY110505; số máy: JF95E0125644 theo Hợp đồng cầm cố, kèm giấy mượn xe đã ký với **Chi Nhánh Đ1 01 - Công ty TNHH S1** số DHM230601019NA22X ngày 16/6/2023; yêu cầu xử lý tài sản cầm cố trong trường hợp ông **Lê Bá Thanh P** không thực hiện hoặc không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho **Công ty cổ phần S** tiền có ngay; khoản tiền phí quản lý hồ sơ là 429.087 đồng.

3. Án phí: Bị đơn ông **Lê Bá Thanh P** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 1.775.000 đồng (*Một triệu bảy trăm bảy mươi lăm ngàn đồng*).

Hoàn trả lại cho **Công ty cổ phần S** tiền có ngay số tiền tạm ứng án phí 852.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000125 ngày 20/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Phong.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án Dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014

5. Quyền kháng cáo: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Triệu Phong;
- CCTHADS huyện Triệu Phong;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đình Hùng